

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM
BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KH-ĐHNLBG-ĐT

Bắc Giang, ngày tháng năm 2021

KẾ HOẠCH
Đào tạo các lớp cao học khóa 6 niên khóa 2021-2023

A - PHÂN BỐ THỜI GIAN CHO CÁC HỌC KỲ

Kỳ học thứ 1: Bắt đầu học: 21/8/2021 - Kết thúc học kỳ: 20/3/2022

Kỳ học thứ 2: Bắt đầu học: 26/3/2022; - Kết thúc học kỳ: 25/9/2022

- Thông báo cho học viên đăng ký đề tài luận văn tốt nghiệp: tháng 3/2022
- Tổ chức đánh giá đề cương và hướng nghiên cứu của luận văn thạc sĩ: tháng 7/2022
- Quyết định giao đề tài: tháng 8/2022 triển khai cho học viên thực hiện luận văn thạc sĩ

Kỳ học thứ 3: Bắt đầu học: 01/10/2022; - Kết thúc học kỳ: 18/12/2022

Kỳ học thứ 4: Thực hiện luận văn thạc sĩ

- Báo cáo luận văn tại Khoa/ Bộ môn: Tháng 5/2023
- Nộp luận văn đầu tháng 6/2023
- Bảo vệ luận văn thạc sĩ: dự kiến tháng 7/2023
- Làm thủ tục cấp bằng, Lễ bế giảng khóa học tháng 8/2023

B - KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY**1. LỚP CH-QLKT 6A - NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ**

(Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, tổng số 62 tín chỉ: Phần kiến thức chung 8 tín chỉ; Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành bắt buộc 27 tín chỉ; phần kiến thức lựa chọn 18 tín chỉ; luận văn tốt nghiệp 9 tín chỉ)

Kỳ học thứ 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH, TN, TL	Tổng số tiết	Giảng viên giảng dạy
Các học phần bắt buộc (17 tín chỉ)							
1	LLC3001	Triết học	4	45	30	75	ThS. Nguyễn Thị Kim Nhung
2	THN3001	Tiếng Anh	4	30	60	90	ThS. Nguyễn Thị Hoa
3	KTE3001	Kinh tế vi mô	3	30	30	60	TS. Nguyễn Hải Nam
4	KTE3002	Kinh tế vĩ mô	3	30	30	60	TS. Nông Hữu Tùng
5	QTK3007	Quản lý dự án	3	30	30	60	TS. Mai Thị Huyền
Các học phần lựa chọn (06 tín chỉ)							
6	QTK3019	Quản trị chiến lược	3	30	30	60	TS. Nguyễn Thị Dung
7	KTE3010	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế	3	23	45	68	TS. Nguyễn Thực Huy
		Tổng cộng	23	218	255	473	

Kỳ học thứ 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH, TN, TL	Tổng số tiết	Giảng viên giảng dạy
Các học phần bắt buộc (18 tín chỉ)							
1	KTE3005	Kinh tế phát triển	3	30	30	60	TS. Nông Hữu Tùng

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH, TN, TL	Tổng số tiết	Giảng viên giảng dạy
2	KTE3008	Kinh tế và quản lý tài nguyên, môi trường	3	30	30	60	PGS.TS. Nguyễn Quang Hà
3	QTK3009	Chính sách và quản lý công	3	38	15	53	PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn
4	QTK3004	Kế hoạch và chiến lược phát triển kinh tế xã hội	3	38	15	53	TS. Nguyễn Thị Dung
5	QTK3006	Quản lý Nhà nước về kinh tế	3	30	30	60	PGS.TS. Bùi Bằng Đoàn
6	QTK3003	Khoa học quản lý	3	38	15	53	TS. Nguyễn Tuấn Điệp
Các học phần lựa chọn (03 tín chỉ)							
7	KTE3011	Kinh tế lượng	3	30	30	60	TS. Hoàng Vũ Quang
		Tổng cộng	21	233	165	398	

Kỳ học thứ 3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH, TN, TL	Tổng số tiết	Giảng viên giảng dạy
Các học phần lựa chọn (09 tín chỉ)							
1	KTE3015	Phương pháp NCKH trong quản lý kinh tế	3	30	30	60	PGS.TS. Nguyễn Quang Hà
2	QTK3018	Quản trị marketing	3	30	30	60	TS. Phạm Thị Dinh
3	KTE3022	Quản lý kinh tế nông nghiệp	3	30	30	60	TS. Nguyễn Hải Nam
		Tổng cộng	9	90	90	180	

Kỳ học thứ 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH	Tổng số tiết	Giảng viên giảng dạy
1	KTE3026	Luận văn tốt nghiệp	9				
		Tổng cộng	9		9		

2. LỚP CH-QLKT 6B - NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

(Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, tổng số 62 tín chỉ: Phần kiến thức chung 8 tín chỉ; Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành bắt buộc 27 tín chỉ; phần kiến thức lựa chọn 18 tín chỉ; luận văn tốt nghiệp 9 tín chỉ)

Kỳ học thứ 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH, TN, TL	Tổng số tiết	Giảng viên giảng dạy
Các học phần bắt buộc (16 tín chỉ)							
1	QTK3004	Kế hoạch và chiến lược phát triển kinh tế xã hội	3	38	15	53	TS. Lê Văn Chính
2	KTE3008	Kinh tế và quản lý tài nguyên, môi trường	3	30	30	60	PGS.TS. Nguyễn Quang Hà
3	QTK3009	Chính sách và quản lý công	3	38	15	53	PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn
4	QTK3006	Quản lý Nhà nước về kinh tế	3	30	30	60	PGS. TS. Bùi Bằng Đoàn
5	LLC3001	Triết học	4	45	30	75	ThS. Nguyễn Thị Kim Nhung
Các học phần lựa chọn (06 tín chỉ)							
6	QTK3019	Quản trị chiến lược	3	30	30	60	TS. Nguyễn Thị Dung
7	KTE3011	Kinh tế lượng	3	30	30	60	TS. Diêm Đăng Huân
		Tổng cộng	22	240	180	420	

Kỳ học thứ 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH, TN, TL	Tổng số tiết	Giảng viên giảng dạy
Các học phần bắt buộc (13 tín chỉ)							
1	THN3001	Tiếng Anh	4	30	60	90	ThS. Đỗ Thị Huyền
2	KTE3001	Kinh tế vi mô	3	30	30	60	TS. Nguyễn Hải Nam
3	QTK3003	Khoa học quản lý	3	38	15	53	TS. Nguyễn Tuấn Điệp
4	QTK3007	Quản lý dự án	3	30	30	60	TS. Mai Thị Huyền
Các học phần lựa chọn (09 tín chỉ)							
6	QTK3018	Quản trị marketing	3	30	30	60	TS. Phạm Thị Dinh
7	KTE3022	Quản lý kinh tế nông nghiệp	3	30	30	60	TS. Nguyễn Hải Nam
8	KTE3010	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế	3	23	45	68	TS. Nguyễn Thực Huy
		Tổng cộng	22	210	240	450	

Kỳ học thứ 3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH, TN, TL	Tổng số tiết	Giảng viên giảng dạy
Các học phần bắt buộc (06 tín chỉ)							
1	KTE 3005	Kinh tế phát triển	3	30	30	60	TS. Nông Hữu Tùng
2	KTE3002	Kinh tế vĩ mô	3	30	30	60	TS. Nông Hữu Tùng
Các học phần lựa chọn (03 tín chỉ)							
3	KTE3015	Phương pháp NCKH trong quản lý kinh tế	3	30	30	60	TS. Mai Thị Huyền
		Tổng cộng	9	90	90	180	

Kỳ học thứ 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH	Tổng số tiết	Giảng viên giảng dạy
1	KTE3026	Luận văn tốt nghiệp	9				
		Tổng cộng	9		9		

3. LỚP CH-QLKT 6C - NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

(Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, tổng số 62 tín chỉ: Phần kiến thức chung 8 tín chỉ; Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành bắt buộc 27 tín chỉ; phần kiến thức lựa chọn 18 tín chỉ; luận văn tốt nghiệp 9 tín chỉ)

Kỳ học thứ 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH, TN, TL	Tổng số tiết	Giảng viên giảng dạy
Các học phần bắt buộc (20 tín chỉ)							
1	LLC3001	Triết học	4	45	30	75	ThS. Nguyễn Thị Kim Nhung
2	THN3001	Tiếng Anh	4	30	60	90	ThS. Đỗ Thị Huyền
3	KTE3001	Kinh tế vi mô	3	30	30	60	TS. Nguyễn Hải Nam
4	QTK3003	Khoa học quản lý	3	38	15	53	TS. Nguyễn Tuấn Điệp
5	KTE3002	Kinh tế vĩ mô	3	30	30	60	TS. Nông Hữu Tùng
6	QTK3004	Kế hoạch và chiến lược phát triển kinh tế xã hội	3	38	15	53	TS. Lê Văn Chính
Các học phần lựa chọn (03 tín chỉ)							
7	KTE3022	Quản lý kinh tế nông nghiệp	3	30	30	60	TS. Nguyễn Hải Nam
		Tổng cộng	23	240	210	450	

Kỳ học thứ 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH, TN, TL	Tổng số tiết	Giảng viên giảng dạy
Các học phần bắt buộc (15 tín chỉ)							
1	KTE 3005	Kinh tế phát triển	3	30	30	60	TS. Nông Hữu Tùng
2	QTK3007	Quản lý dự án	3	30	30	60	TS. Mai Thị Huyền
3	KTE3008	Kinh tế và quản lý tài nguyên, môi trường	3	30	30	60	PGS.TS. Nguyễn Quang Hà
4	QTK3006	Quản lý Nhà nước về kinh tế	3	30	30	60	TS. Nguyễn Thực Huy
5	QTK3009	Chính sách và quản lý công	3	38	15	53	TS. Nguyễn Tuấn Dương
Các học phần lựa chọn (06 tín chỉ)							
6	KTE3010	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế	3	23	45	68	TS. Nguyễn Thực Huy
7	QTK3018	Quản trị marketing	3	30	30	60	TS. Phạm Thị Dinh
		Tổng cộng	21	210	210	420	

Kỳ học thứ 3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH, TN, TL	Tổng số tiết	Giảng viên giảng dạy
Các học phần lựa chọn (09 tín chỉ)							
1	KTE3015	Phương pháp NCKH trong quản lý kinh tế	3	30	30	60	PGS.TS. Nguyễn Quang Hà
2	QTK3019	Quản trị chiến lược	3	30	30	60	PGS.TS. Bùi Bằng Đoàn
3	KTE3011	Kinh tế lượng	3	30	30	60	PGS.TS. Nguyễn Thị Dương Nga
		Tổng cộng	9	90	90	180	

Kỳ học thứ 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH	Tổng số tiết	Giảng viên giảng dạy
1	KTE3026	Luận văn tốt nghiệp	9				
		Tổng cộng	9		9		

Nơi nhận:

- BGH, CT HĐT;
- Khoa: KTTC, LLCT-KHCB, TT NNTH;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Mai Thị Huyền